

Số: /NQ-HĐND

Cam Hiệp, ngày 07 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã Cam Hiệp khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ CAM HIỆP
KHÓA I - KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 96/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn;

Căn cứ Hướng dẫn số 1309/HD-UBTVQH15, ngày 11/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số nội dung về tổ chức và hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV, HĐND cấp tỉnh, cấp xã nhiệm kỳ 2021-2026 sau sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Công văn số 1323/UBTVQH15-CTĐB ngày 14/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hướng dẫn tổ chức hoạt động của HĐND cấp tỉnh, cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Xét Tờ trình số /TTr-HĐND, ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân xã về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã Cam Hiệp khóa I, nhiệm kỳ 2021 – 2026; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã Cam Hiệp khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện


Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã, các vị đại biểu Hội đồng nhân dân xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Cam Hiệp khoá I, kỳ họp thứ nhất nhất trí thông qua ngày 01 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân xã thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu VP.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Hoan

QUY CHẾ

Làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã Cam Hiệp khóa I, nhiệm kỳ 2021 – 2026
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND,
ngày 14 tháng 7 năm 2025 của HĐND xã Cam Hiệp)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nội dung cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn, phương thức hoạt động, mối quan hệ công tác, điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân xã khóa I nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Các nội dung không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thường trực HĐND, các Ban HĐND, đại biểu HĐND xã, Văn phòng HĐND và UBND xã, các tổ chức, cá nhân có quan hệ công tác với HĐND xã chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của HĐND xã

Hội đồng nhân dân xã hoạt động theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, quyết định theo đa số. Thường trực Hội đồng nhân dân là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân là cơ quan tham mưu giúp Hội đồng nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế - ngân sách, văn hóa – xã hội thực hiện cơ chế tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách và quyết định theo đa số.

Chương II HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 4. Vị trí, vai trò của Hội đồng nhân dân xã

1. Hội đồng nhân dân xã gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri trong xã bầu ra và là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý

chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Hội đồng nhân dân xã hoạt động theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã

1. Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật:

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa phương;

b) Quyết định chính sách, biện pháp để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển các ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế tư nhân và đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật;

d) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền:

a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp theo quy định của pháp luật;

b) Căn cứ chỉ tiêu được chính quyền địa phương cấp tỉnh giao, quyết định cụ thể biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp mình, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn;

c) Xem xét, cho ý kiến về việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp mình;

d) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn theo quy định của pháp luật; quyết định cụ thể số lượng người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của chính quyền địa phương cấp tỉnh;

đ) Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình;

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp;

g) Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân và chấp thuận việc đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình thôi làm nhiệm vụ đại biểu theo quy định của pháp luật.

3. Trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch, đầu tư, tài chính, ngân sách, liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính xã:

a) Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hàng năm của xã, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, các quy hoạch chi tiết xây dựng hạ tầng, giao thông trên địa bàn bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy hoạch, kế hoạch của tỉnh và quy hoạch chung của xã đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách xã; điều chỉnh dự toán ngân sách xã trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách xã và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án trên địa bàn theo quy định của pháp luật về đầu tư công; quyết định biện pháp huy động sự đóng góp của nhân dân để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, công trình công cộng, phúc lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

d) Quyết định biện pháp thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã;

đ) Quyết định chương trình, biện pháp hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

4. Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

a) Quyết định biện pháp, chương trình, đề án về phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn;

b) Quyết định biện pháp xây dựng chính quyền địa phương số, kinh tế số, xã hội số ở địa bàn; biện pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của chính quyền địa phương cấp mình và cung ứng dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

5. Trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường, nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng và giao thông:

a) Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp mình trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Quyết định biện pháp quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên nước, rừng, bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật; biện pháp thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn;

c) Quyết định biện pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng, giao thông; biện pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

6. Trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao:

a) Quyết định biện pháp phát triển sự nghiệp giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

7. Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dân tộc, tôn giáo:

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số, tín đồ tôn giáo trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

8. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan khác ở địa phương.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Chương III **THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

Điều 6. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nguyên tắc làm việc của Thường trực HĐND xã

1. Thảo luận và quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân cùng cấp giao.

2. Triệu tập các kỳ họp của Hội đồng nhân dân; phối hợp với Ủy ban nhân dân trong việc chuẩn bị kỳ họp của Hội đồng nhân dân.

3. Đôn đốc, giám sát Ủy ban nhân dân và các cơ quan khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

4. Giám sát việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.

5. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân; xem xét kết quả giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân khi xét thấy cần thiết và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất; giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng nhân dân; tổng hợp chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân.

6. Tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân theo quy định của pháp luật; đôn đốc, giám sát và xem xét tình hình giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; tổng hợp ý kiến, đề xuất, kiến nghị của Nhân dân để báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

7. Quyết định số lượng thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình. Phê chuẩn danh sách và việc cho thôi làm Phó Trưởng Ban, Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình trong số đại biểu Hội đồng nhân dân theo đề nghị của Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân.

8. Trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, Thường trực HĐND phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức theo nguyện vọng đối với người do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu nếu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể tiếp tục thực hiện được nhiệm vụ, cho thôi giữ chức vụ Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp do chuyển công tác khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật này.

9. Thành lập Tổ đại biểu, xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân của Tổ đại biểu, phân công Tổ trưởng và Tổ phó của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; quyết định việc chuyển sinh hoạt tại Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân của đại biểu Hội đồng nhân dân.

10. Quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân hoặc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

11. Báo cáo về hoạt động của Hội đồng nhân dân đến Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp trên.

12. Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp; mỗi năm 02 lần thông báo đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp về hoạt động của Hội đồng nhân dân.

13. Ban hành nghị quyết và các văn bản hành chính khác về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.

14. Trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, Thường trực Hội đồng nhân dân được quyết định các nội dung sau đây và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất:

a) Biện pháp giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn;

b) Thường trực Hội đồng nhân dân được quyết định chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi thuộc các trường hợp đột xuất, cấp bách theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương;

c) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các thành viên khác của Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chủ tọa các phiên họp của Hội đồng nhân dân, bảo đảm thi hành các quy định về hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân, các quy định về kỳ họp Hội đồng nhân dân;

b) Lãnh đạo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân; chỉ đạo việc chuẩn bị dự kiến chương trình, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân;

c) Thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân giữ mối liên hệ với Ủy ban nhân dân, các cơ quan nhà nước, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp, các tổ chức xã hội khác và Nhân dân;

d) Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân và

chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân.

3. Các thành viên khác của Thường trực Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân phân công; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân.

4. Trong nhiệm kỳ, nếu khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân thì Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp phân công 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân mới.

Trường hợp khuyết cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ định người điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân trong số đại biểu Hội đồng nhân dân xã cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân mới.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã bị xử lý kỷ luật và thuộc trường hợp phải đề nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc giao Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân cho đến khi bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân mới; nếu là Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thì do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, người được chỉ định điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân được thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký chứng thực Nghị quyết của Hội đồng nhân dân. Trong trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân thì Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, người được chỉ định điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân quy định tại khoản 4 Điều này ký chứng thực Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

Chương IV **CÁC BAN HĐND XÃ**

Điều 8. Cơ cấu, tổ chức của các Ban HĐND xã

HĐND xã thành lập 2 Ban: Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa – Xã hội. Ban của HĐND xã gồm có Trưởng ban, Phó trưởng ban và các ủy viên. Ban của HĐND xã hoạt động theo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND xã.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn các Ban của HĐND xã

- Tham gia chuẩn bị các văn bản của Ban trình các kỳ họp HĐND xã;
- Thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết do HĐND xã hoặc Thường trực HĐND xã phân công;
- Giúp HĐND xã giám sát hoạt động của UBND xã;
- Giúp HĐND xã giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và công dân trên địa bàn trong việc thực thi Hiến pháp, Pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND xã.
- Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực hoạt động của Ban; Kiến nghị với HĐND xã về những vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Ban;
- Báo cáo kết quả giám sát với Thường trực HĐND xã.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, Phó trưởng Ban HĐND xã

1. Trưởng ban của HĐND xã có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành công việc của Ban, thay mặt Ban ký các văn bản do Ban phát hành; chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp Ban, chỉ đạo công tác chuyên môn của Ban; giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND xã, các Ban khác của HĐND xã; báo cáo kết quả hoạt động của Ban với HĐND và Thường trực HĐND xã; tham dự các cuộc họp do Thường trực HĐND xã triệu tập; tổ chức việc giám sát, khảo sát của Ban; trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả giám sát tại kỳ họp HĐND xã.

2. Phó Trưởng ban của HĐND xã có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban; điều hành công việc của Ban khi Trưởng ban vắng mặt; ký các văn bản của Ban và tổ chức các hoạt động của Ban khi được Trưởng ban phân công.

Chương V
ĐẠI BIỂU HĐND XÃ

Điều 11. Vị trí, vai trò của đại biểu Hội đồng nhân dân xã

Đại biểu Hội đồng nhân dân xã là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân trong xã; chịu trách nhiệm trước cử tri địa phương và trước Hội

đồng nhân dân xã về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân; trường hợp không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tọa kỳ họp, phiên họp. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do chính đáng thì Thường trực Hội đồng nhân dân phải báo cáo Hội đồng nhân dân để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đó.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân phải liên hệ chặt chẽ với cử tri nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, chịu sự giám sát của cử tri, thường xuyên tiếp xúc với cử tri, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân, các cơ quan, tổ chức hữu quan; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện tiếp công dân; tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định của pháp luật.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền đề xuất sáng kiến xây dựng chính sách ở địa phương; quyền kiến nghị Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu, tổ chức phiên họp chuyên đề, phiên họp kín hoặc phiên họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất và kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu thấy cần thiết.

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử vào các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 36 của Luật này. Người được giới thiệu ứng cử có quyền rút khỏi danh sách những người ứng cử.

7. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các thành viên khác của Ủy ban nhân dân, người đứng đầu cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp.

8. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.

9. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

10. Không được bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Hội đồng nhân dân, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân nếu không có sự đồng ý của Hội đồng nhân dân hoặc của Thường trực Hội đồng nhân dân trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị tạm giữ vì phạm tội quả tang thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

Chương VI

TỔ CHỨC KỶ HỌP HĐND XÃ

Điều 13. Công tác chuẩn bị kỳ họp

Chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, Thường trực Hội đồng nhân dân xã chủ trì họp với Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN xã, Trưởng ban, Phó Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân, để dự kiến nội dung kỳ họp, những vấn đề khác có liên quan đến kỳ họp và giao cho các cơ quan, đơn vị chuẩn bị.

Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong công tác chuẩn bị kỳ họp:

1. Ủy ban nhân dân xã chuẩn bị và gửi báo cáo, tờ trình, dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp đúng thời gian theo luật định;

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân xã thực hiện giám sát, thẩm tra và chuẩn bị báo cáo trình tại kỳ họp; đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cơ quan liên quan trong công tác chuẩn bị kỳ họp;

3. Các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tham dự đầy đủ các phiên họp của kỳ họp theo quy định.

Điều 14. Thông qua dự kiến chương trình kỳ họp

1. Hội đồng nhân dân xã quyết định chương trình kỳ họp, việc thông qua chương trình kỳ họp được tiến hành như sau:

a. Thường trực Hội đồng nhân dân xã trình bày dự kiến chương trình kỳ họp trước Hội đồng nhân dân xã;

b. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã thảo luận, cho ý kiến vào chương trình kỳ họp;

c. Hội đồng nhân dân xã biểu quyết thông qua chương trình kỳ họp.

2. Việc thông qua chương trình kỳ họp được tiến hành bằng hình thức biểu quyết giơ tay. Chương trình kỳ họp được thông qua khi có quá nửa-tổng số đại

biểu Hội đồng nhân dân xã biểu quyết tán thành. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban MTTQVN xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Hội đồng nhân dân xã quyết định điều chỉnh, bổ sung chương trình kỳ họp đã được thông qua.

Điều 15. Thư ký phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Giao cho Văn phòng HĐND và UBND xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thư ký phục vụ các kỳ họp Hội đồng nhân dân xã;

2. Thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân xã có nhiệm vụ:

a. Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân xã có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp;

b. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp;

c. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến phát biểu của đại biểu tại cuộc họp và phiên họp toàn thể;

d. Tham mưu cho Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện các quy trình, thủ tục tại kỳ họp;

đ. Giúp Chủ tọa kỳ họp cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp.

Điều 16. Theo dõi, đôn đốc việc chuẩn bị báo cáo và các tài liệu khác trình tại kỳ họp

Thường trực Hội đồng nhân dân xã theo dõi, đôn đốc việc chuẩn bị báo cáo và các tài liệu khác trình tại kỳ họp. Thời gian gửi tài liệu phục vụ kỳ họp, việc sử dụng, lưu trữ tài liệu của kỳ họp được quy định như sau:

1. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, UBND xã trình dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án, phương án, tờ trình đến các Ban Hội đồng nhân dân xã được phân công để thẩm tra;

2. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã gửi báo cáo thẩm tra đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã;

3. Tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân xã gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân xã chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp;

4. Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã quyết định những tài liệu được lưu hành tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã;

5. Nghị quyết, văn bản, tài liệu khác của mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân xã được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 17. Thảo luận tại phiên họp toàn thể

Tại phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân xã, Chủ tọa phiên họp điều hành thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã, việc thảo luận tiến hành như sau:

a. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã đăng ký phát biểu, Chủ tọa phiên họp mời lần lượt từng đại biểu phát biểu;

b. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã phát biểu tập trung vào vấn đề đang thảo luận, không phát biểu quá 02 lần cùng một vấn đề, thời gian phát biểu từ 05 đến 07 phút. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân xã thảo luận thêm thì thời gian và số lần phát biểu do Chủ tọa phiên họp quyết định;

c. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân xã đăng ký mà chưa được phát biểu hoặc đã phát biểu nhưng chưa hết ý kiến do thời gian phát biểu đã hết, thì ghi lại ý kiến của mình gửi Thư ký kỳ họp để tổng hợp.

d. Trong quá trình thảo luận, Chủ tọa kỳ họp có thể nêu những vấn đề còn ý kiến khác nhau để Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định. Khi cần thiết, Hội đồng nhân dân xã yêu cầu cơ quan hữu quan báo cáo giải trình những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân xã quan tâm. Chủ tọa kỳ họp hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân xã có thể đề nghị kết thúc việc thảo luận; khi vấn đề được nêu ra để lấy ý kiến biểu quyết thì việc thảo luận kết thúc. Các nội dung thảo luận được ghi vào biên bản phiên họp Hội đồng nhân dân xã.

Điều 18. Biểu quyết tại phiên họp toàn thể Hội đồng nhân dân xã

1. Hội đồng nhân dân xã quyết định các vấn đề tại phiên họp toàn thể bằng hình thức biểu quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết.

2. Hội đồng nhân dân xã quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau:

a. Biểu quyết công khai;

b. Bỏ phiếu kín.

3. Trình tự biểu quyết tại phiên họp toàn thể được tiến hành như sau:

a. Chủ tọa phiên họp nêu rõ nội dung cần biểu quyết;

b. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã biểu quyết;

c. Chủ tọa kỳ họp công bố kết quả biểu quyết trong trường hợp biểu quyết bằng giơ tay. Trưởng ban kiểm phiếu báo cáo kết quả biểu quyết trong trường hợp biểu quyết bằng bỏ phiếu kín;

4. Một vấn đề đã được Hội đồng nhân dân xã biểu quyết thông qua có thể biểu quyết lại. Chủ tọa phiên họp chủ động hoặc theo đề nghị của đại biểu Hội

đồng nhân dân xã, cơ quan, tổ chức trình dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định. Việc biểu quyết lại theo trình tự sau:

a. Thường trực Hội đồng nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã biểu quyết lại;

b. Hội đồng nhân dân xã xem xét, thông qua việc biểu quyết lại;

Việc biểu quyết lại được tiến hành khi có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã biểu quyết tán thành.

5. Trình tự Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định vấn đề đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định biểu quyết lại như sau:

a. Thường trực Hội đồng nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã nội dung vấn đề cần biểu quyết lại;

b. Hội đồng nhân dân xã thảo luận, biểu quyết thông qua nội dung vấn đề cần biểu quyết lại. Kết quả biểu quyết lại có hiệu lực thay thế biểu quyết trước đó khi có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã biểu quyết tán thành.

Điều 19. Ban hành Nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã do Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã ký;

2. Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã gửi đến các cơ quan, đơn vị ở địa phương để thực hiện. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã phải được đăng trên Trang thông tin điện tử xã, (trừ Nghị quyết có nội dung thuộc bí mật Nhà nước theo quy định của pháp luật).

Điều 20. Đánh giá, rút kinh nghiệm kỳ họp

Chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân xã chủ trì, tổ chức họp với Ủy ban nhân dân, Ủy ban MTTQVN xã, Trưởng ban và Phó Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã, Thư ký phục vụ kỳ họp để đánh giá, rút kinh nghiệm công tác chuẩn bị và tổ chức kỳ họp.

Chương VII

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 21. Chế độ hội họp

1. Mỗi năm HĐND xã tiến hành tổ chức hai kỳ họp thường lệ theo luật định (trừ các kỳ họp chuyên đề).

2. Thường trực HĐND xã mỗi tháng họp một lần, mời thêm Trưởng, phó hai Ban HĐND xã cùng dự họp, để kiểm tra đánh giá kết quả việc thực hiện các

Nghị quyết của HĐND, chương trình công tác của Thường trực HĐND và đề ra nhiệm vụ công tác tháng tiếp theo.

3. Trước khi triệu tập kỳ họp thường lệ HĐND, Thường trực HĐND tổ chức cuộc họp với lãnh đạo UBND, các ban, ngành của UBND xã, Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, Trưởng, phó hai Ban HĐND xã cùng dự họp để thống nhất nội dung chuẩn bị cho kỳ họp HĐND xã.

Điều 22. Chế độ báo cáo với Đảng ủy

1. Thường trực HĐND xã hoạt động dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ xã, Thường trực Đảng ủy xã. Trước mỗi kỳ họp HĐND, Thường trực HĐND xã báo cáo và xin ý kiến Thường trực, Ban Thường vụ Đảng ủy về chủ trương tổ chức kỳ họp HĐND.

2. Thường xuyên báo cáo với Ban Thường vụ Đảng ủy về tình hình tổ chức và hoạt động của HĐND, chủ động tham mưu đề xuất các chủ trương, biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐND.

Điều 23. Mối quan hệ với UBND xã

1. Thường trực HĐND phối hợp chặt chẽ với UBND xã và các ban, ngành thuộc UBND cùng cấp trong việc chuẩn bị nội dung, dự thảo Nghị quyết, văn bản kỳ họp trình HĐND xã, chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực HĐND họp với Chủ tịch UBND xã, Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam xã, để bàn bạc thống nhất nội dung và kế hoạch tiến hành kỳ họp, phân công các cơ quan, các ngành chuẩn bị các báo cáo, tờ trình, dự thảo Nghị quyết (nếu có) để trình HĐND tại kỳ họp.

2. Thường trực HĐND cùng UBND xã hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc việc xây dựng báo cáo, đề án đảm bảo chất lượng và thời gian theo kế hoạch.

3. Hàng tháng, Thường trực HĐND tham dự các cuộc họp của UBND xã, các hội nghị giao ban của UBND xã. Giám sát việc UBND xã, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tổ chức triển khai và thực hiện Nghị quyết HĐND xã đề ra.

Điều 24. Mối quan hệ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã

1. Thường trực HĐND phối hợp chặt chẽ với Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức thành viên của mặt trận, xây dựng kế hoạch, tổ chức Hội nghị tiếp xúc cử tri, đảm bảo để đại biểu HĐND làm tròn nhiệm vụ của người đại biểu nhân dân, thường xuyên liên hệ chặt chẽ với cử tri, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cử tri và việc giữ gìn phẩm chất, đạo đức của người đại biểu HĐND.

2. Thường trực HĐND xã mời Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã tham dự các cuộc họp thường lệ, các hoạt động kiểm tra, giám sát, phối hợp lấy ý kiến nhân dân về nội dung các kỳ họp HĐND và những vấn đề quan trọng

tại địa phương. Thường trực HĐND được mời dự họp cùng Ban thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã. Thực hiện đầy đủ các nội dung của Quy chế phối hợp giữa Thường trực HĐND, UBND và Ban thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã.

3. Mỗi năm 2 lần vào giữa năm và cuối năm, Thường trực HĐND xã thông báo bằng văn bản đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã về tình hình hoạt động của HĐND, kiến nghị với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã về những vấn đề cần thiết trong công tác củng cố, xây dựng chính quyền, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Chương VIII

NHỮNG ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 25. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân xã

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân xã được bố trí từ ngân sách xã do Hội đồng nhân dân xã quyết định trên cơ sở đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân xã. Thường trực Hội đồng nhân dân xã chỉ đạo việc sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân theo đúng quy định của pháp luật;

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã chỉ đạo Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã đảm bảo các điều kiện tổ chức, hoạt động và các chế độ theo quy định của pháp luật đối với các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

Điều 26. Chế độ, chính sách, khen thưởng

1. Đại biểu của Hội đồng nhân dân xã được hưởng các chế độ, chính sách do pháp luật quy định; được cấp và sử dụng Giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phù hiệu đại biểu;

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Bộ máy giúp việc của Hội đồng nhân dân xã

Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm giúp việc cho Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân xã khi thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân.

CHƯƠNG IX TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. HĐND xã, Thường trực HĐND xã, các Ban của HĐND xã, các đại biểu HĐND xã, UBND xã, các công chức chuyên môn thuộc UBND xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị thành viên của Ủy ban MTTQVN xã, các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã quản lý có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc gì đề nghị phản ánh về Thường trực HĐND xã để tổng hợp trình HĐND xã xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. /

ỦY BAN MẶT TRẬN
TỔ QUỐC VIỆT NAM
XÃ